

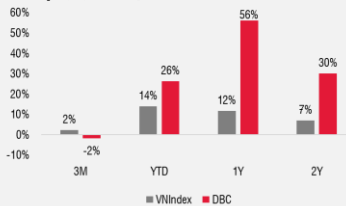
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC: HOSE)

Ngày báo cáo: 26/09/2024
NGÀNH: HÀNG TIÊU DÙNG
CVPT: Đặng Trần Minh
Email: minhdt1@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8671

Giá CP ngày 25/09/2024: 29.750 Đồng

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 405
 Giá trị vốn hoá (tỷ VND): 9.956
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 335
 KLGĐ trung bình 3 tháng (cp): 6.086.701
 Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 31,7/15,5
 GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 181,8
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 11,1
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Tập đoàn Dabaco được thành lập vào năm 1996 với vốn điều lệ ban đầu là 675 triệu đồng. Sau 26 năm phát triển, Dabaco đã trở thành một tập đoàn đa ngành với 27 đơn vị bao gồm nhà máy, công ty trách nhiệm hữu hạn, và các công ty liên kết. DBC tiếp tục phát triển mô hình sản xuất phức hợp "Farm – Feed – Food" bao gồm sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất giống, giết mổ gia cầm, chế biến thức ăn, bắt động sản, xây dựng, và nhiều lĩnh vực khác.

Cập nhật doanh nghiệp sau bão Yagi

Chúng tôi đã có cuộc gặp gỡ với Dabaco để cập nhật tình hình sau bão Yagi, với một số điểm chính sau:

DBC không gặp thiệt hại trực tiếp về tài sản, con người sau bão. Đàn heo của DBC vẫn an toàn. Tuy nhiên có thể có những rủi ro tiềm ẩn từ dịch bệnh bùng phát và sức khỏe của vật nuôi từ các khu vực bị ngập lụt.

Giá heo neo cao có thể giúp DBC tăng doanh thu. Vì nửa cuối năm thường là mùa cao điểm và dự kiến nhu cầu tiêu thụ sẽ phục hồi, chúng tôi cho rằng giá heo sẽ khó giảm xuống mức như năm trước là từ 52.000-56.000 đồng/kg.

Hoạt động chăn nuôi ghi nhận chi phí đầu vào thấp và năng suất heo nái cao hơn (từ việc nhập khẩu giống heo mới từ Pháp). Theo chia sẻ của ban lãnh đạo, chi phí sản xuất trung bình của DBC là khoảng 50.000 đồng/kg (giảm từ 55.000 đồng/kg vào năm 2022), ngoài ra, một số điểm trại ở tỉnh Thanh Hóa còn ghi nhận mức chi phí ở mức 48.000 đồng/kg.

Với giả định giá heo hơi tiếp tục thuận lợi đến cuối năm và chi phí đầu vào giữ mức hiện tại, chúng tôi dự kiến doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2024 sẽ lần lượt đạt 11,7 nghìn tỷ đồng (+6% svck) và 472 tỷ đồng (+1.789% svck). Mặc dù DBC đã tăng cường các biện pháp chống dịch ASF, chúng tôi có quan điểm thận trọng hơn so với ban lãnh đạo do dịch bệnh thường khó dự báo sau bão lũ. Sang năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 12,9 nghìn tỷ đồng (+10% svck) và 721 tỷ đồng (+53% svck), nhờ sự mở rộng liên tục của hoạt động 3F (thức ăn-chăn nuôi-thực phẩm) và biên lợi nhuận gộp tăng do giống heo năng suất cao hơn.

Triển vọng ngắn hạn: Chúng tôi kỳ vọng công ty sẽ ghi nhận doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 5,3 nghìn tỷ đồng (đi ngang svck) và 254 tỷ đồng (+1245% svck) trong nửa cuối năm 2024, do cả sản lượng và giá bán đều được dự báo sẽ cao hơn so với năm ngoái.

Triển vọng dài hạn: Tiêu dùng phục hồi, tỷ lệ tử vong thấp nhờ an toàn sinh học tốt hơn, mở rộng trang trại mới, và năng suất từ các giống heo mới tăng lên sẽ góp phần vào tăng trưởng của DBC khi công ty đi lên từ mức đáy lợi nhuận năm 2022. Nhà máy ép dầu giai đoạn 2 đang được xây dựng và dự kiến sẽ bắt đầu đi vào hoạt động vào cuối năm 2025.

Rủi ro giảm giá: Dịch ASF có thể tiếp tục ảnh hưởng đến đàn heo của DBC, tiến độ xây dựng các trang trại heo bị chậm và tiêu dùng chưa hồi phục.

| Tỷ đồng | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024F | 2025F |
|------------------------------------|--------|--------|--------|--------|---------|--------|
| Doanh thu thuần | 10.022 | 10.813 | 11.558 | 11.110 | 11.755 | 12.892 |
| <i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i> | 39,4% | 7,9% | 6,9% | -3,9% | 5,8% | 9,7% |
| Lợi nhuận gộp | 2.558 | 1.853 | 960 | 1.114 | 1.567 | 1.938 |
| <i>Biên lợi nhuận gộp</i> | 25,5% | 17,1% | 8,3% | 10,0% | 13,3% | 15,0% |
| Doanh thu tài chính | 30 | 25 | 29 | 38 | 32 | 45 |
| Chi phí tài chính | -320 | -199 | -201 | -281 | -270 | -290 |
| Chi phí bán hàng và quản lý | -720 | -750 | -747 | -789 | -802 | -880 |
| Thu nhập ròng khác | 5 | 46 | 38 | 20 | 22 | 24 |
| LNTT | 1.554 | 980 | 79 | 98 | 549 | 838 |
| Lợi nhuận ròng | 1.400 | 830 | 5 | 25 | 472 | 721 |
| <i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i> | 358,9% | -40,8% | -99,4% | 381,4% | 1789,2% | 52,6% |
| <i>Biên lợi nhuận ròng</i> | 14,0% | 7,7% | 0,0% | 0,2% | 4,0% | 5,6% |
| EPS (VND) | 13.366 | 7.199 | 21 | 103 | 1.952 | 2.979 |

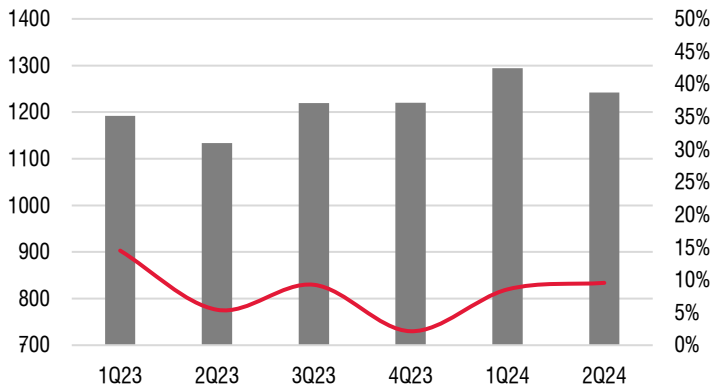
Nguồn: DBC, SSI Research

Chúng tôi đã có cuộc gặp gỡ với Dabaco để cập nhật tình hình sau bão Yagi, với một số điểm chính sau:

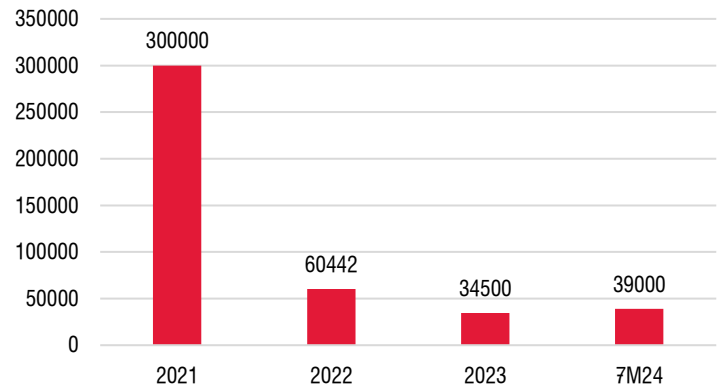
DBC không bị thiệt hại đáng kể sau bão Yagi. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), bão Yagi đã gây ra thiệt hại đáng kể ở khu vực phía Bắc, với hơn 20.000 con heo và bò bị tiêu hủy. Tuy nhiên, đàn heo của DBC vẫn tương đối an toàn. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng các rủi ro tiềm ẩn từ dịch bệnh và sức khỏe của gia súc ở các khu vực bị ngập lụt vẫn sẽ đáng lo cho DBC. Mặt khác, nhu cầu về heo và gà giống dự kiến sẽ cao, vì nông dân cần tái đàn sau lũ.

Vắc xin thú y do DBC sản xuất sẽ được thương mại hóa. DBC đang đạt được tiến triển trong việc sản xuất vắc xin ASF, với một nhà máy vắc xin GMP đã hoàn thành và các sản phẩm đang trong giai đoạn thử nghiệm cuối cùng. Ban lãnh đạo cho biết vắc xin cho thấy hiệu quả khá khả quan, đồng thời các khách hàng quốc tế sẽ rất quan tâm. Nếu thành công, điều này có thể giúp DBC hạn chế dịch bệnh với đàn heo của công ty và có doanh thu từ bán vắc xin cho cả thị trường trong nước và quốc tế.

Theo Bộ NN&PTNT, trong giai đoạn 7 tháng đầu năm 2024, nông dân cả nước đã phải tiêu hủy khoảng 39.000 con heo do dịch ASF, theo đó, DBC cũng phải chịu một số thiệt hại đối với đàn gia súc của công ty trong nửa đầu năm.

Biểu đồ 1: Mức tiêu thụ thịt heo đang tăng lên (nghìn tấn)

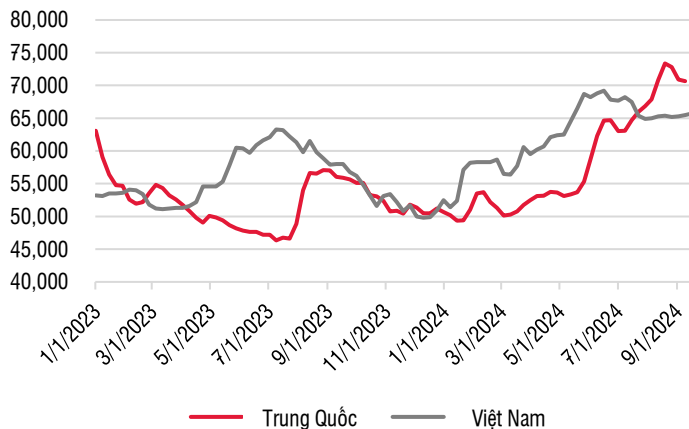
Nguồn: TCTK

Biểu đồ 2. nhưng dịch ASF vẫn là mối lo ngại đối với người chăn nuôi (số lượng heo bị tiêu hủy do dịch ASF)

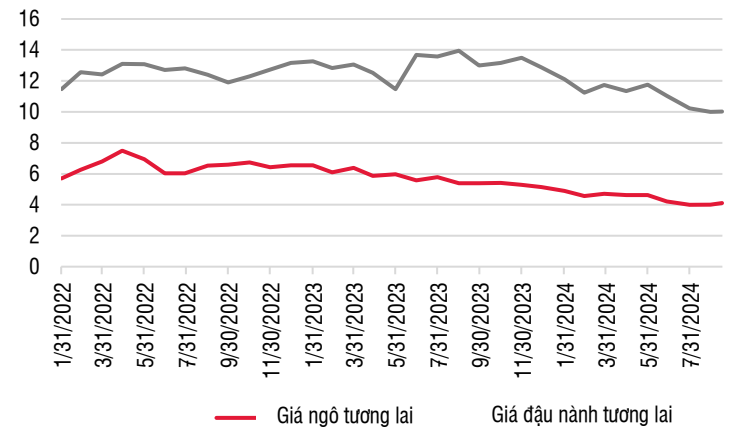
Nguồn: Bộ NN&PTNT

Giá heo neo cao sẽ giúp cho DBC tăng doanh thu. Trong tháng 9/2024, giá heo đã tăng 12% svck và đạt mức cao nhất là 70.000 đồng/kg ở khu vực miền Bắc do thiếu hụt nguồn cung. Vì nửa cuối năm thường là mùa cao điểm và dự kiến nhu cầu tiêu dùng sẽ phục hồi, chúng tôi cho rằng giá heo khó giảm xuống mức như năm ngoái à từ 52.000-56.000 đồng/kg.

Ngoài ra, việc tăng nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ không nhiều do giá heo ở Trung Quốc vẫn đang neo ở mức cao. Nhiều doanh nghiệp sản xuất ở Trung Quốc vẫn còn thận trọng sau thời gian dài giá giảm và thua lỗ lớn trong vài năm qua (theo Genesis).

Biểu đồ 3: Giá heo hơi của Việt Nam và Trung Quốc đều neo ở mức cao (đồng/kg)

Nguồn: SSI Research

Biểu đồ 4. Giá các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi duy trì ổn định (USD/bushel)

KQKD 6T2024

| Tỷ đồng | 6T2024 | 6T2023 | YoY | % hoàn thành kế hoạch năm | Biên lợi nhuận | | |
|--|--------|--------|-------|---------------------------|----------------|--------|------|
| | | | | | 6T2024 | 6T2023 | 2023 |
| Doanh thu thuần | 6.437 | 5.787 | 11% | 0% | | | |
| Lợi nhuận gộp | 779 | 592 | 32% | | 12% | 10% | 10% |
| Lợi nhuận hoạt động | 360 | 157 | 129% | | 6% | 3% | 3% |
| EBIT | 379 | 176 | 115% | | 6% | 3% | 3% |
| EBITDA | 696 | 431 | 62% | | 11% | 7% | 8% |
| Lợi nhuận trước thuế | 257 | 60 | 331% | | 4% | 1% | 1% |
| Lợi nhuận ròng | 218 | 6 | 3479% | 30% | 3% | 0% | 0% |
| Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ | 218 | 6 | 3479% | | 3% | 0% | 0% |

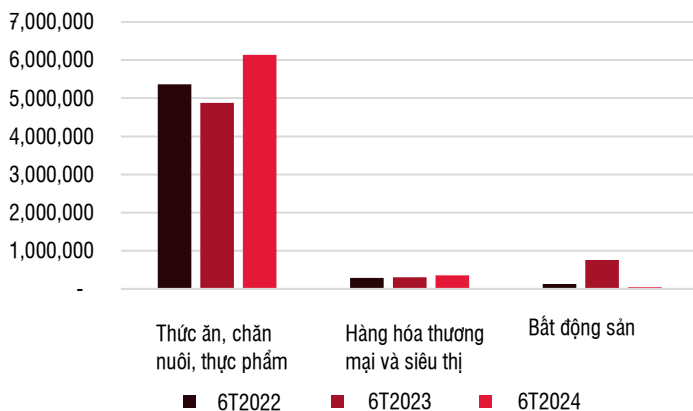
Nguồn: DBC, SSI Research

KQKD 6 tháng đầu năm 2024 cho thấy sự phục hồi về lợi nhuận. Doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (+11% svck) và 218 tỷ đồng (+3.479% svck). Lợi nhuận của mảng 3F tăng nhờ giá heo hơi tăng cao trong Q2/2024 (+14% svck) mặc dù chi phí khấu hao tăng (+30% svck) và doanh thu từ mảng bất động sản giảm mạnh. Công ty đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế là 724 tỷ đồng nhưng mới chỉ đạt được 30% kế hoạch. Tuy nhiên, ban lãnh đạo tự tin sẽ hoàn thành kế hoạch năm.

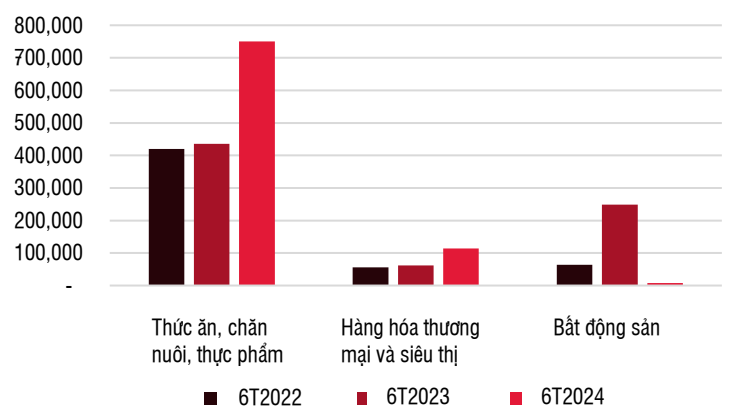
Hoạt động chăn nuôi sẽ chiếm tỷ trọng cao hơn trong lợi nhuận so với thức ăn chăn nuôi. DBC có kế hoạch mở rộng hoạt động chăn nuôi heo với việc tăng đàn lên 60.000 con heo nái và 1,5 triệu con heo thịt trong thời gian tới, giảm sự phụ thuộc vào hợp đồng với các trang trại quy mô nhỏ. Trong ngắn hạn, DBC dự kiến xây dựng 2 trang trại mới ở các tỉnh Thái Nguyên và Hòa Bình, mỗi trang trại có quy mô 5.000 con heo nái (hiện công ty có 50.000 con heo nái). Để đáp ứng tăng trưởng trong hoạt động chăn nuôi, ban lãnh đạo cũng có kế hoạch mở một nhà máy thức ăn chăn nuôi mới trong trung hạn.

Hoạt động chăn nuôi ghi nhận chi phí đầu vào thấp và năng suất heo nái cao hơn (từ việc nhập khẩu giống heo mới từ Pháp). Theo chia sẻ của ban lãnh đạo, giá vốn trung bình của DBC là khoảng 50.000 đồng/kg (giảm từ 55.000 đồng/kg vào năm 2022), ngoài ra, các trang trại mới ở tỉnh Thanh Hóa còn ghi nhận mức chi phí ở mức 48.000 đồng/kg.

Biểu đồ 5: Doanh thu phục hồi nhờ mảng 3F (triệu đồng)



Biểu đồ 6: Lợi nhuận gộp phục hồi (triệu đồng)



Nguồn: SSI Research

Quan điểm của chúng tôi

Với giả định giá thịt heo tiếp tục thuận lợi đến cuối năm (giá trung bình khoảng 65.000 đồng/kg, +14% svck) và chi phí sản xuất thấp (khoảng 49.000 đồng/kg), chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2024 sẽ lần lượt đạt 11,7 nghìn tỷ đồng (+6% svck) và 472 tỷ đồng (+1.789% svck), thấp hơn so với kế hoạch năm của công ty. Mặc dù DBC đã tăng cường chống dịch tả lợn Châu Phi (dịch ASF), chúng tôi có quan điểm thận trọng hơn so với ban lãnh đạo do dịch bệnh khó dự báo sau bão.

Sang năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 12,9 nghìn tỷ đồng (+10% svck) và 721 tỷ đồng (+53% svck), nhờ sự mở rộng liên tục của hoạt động chăn nuôi và biên lợi nhuận gộp tăng do giống heo năng suất cao hơn. Do thông tin về các mảng hoạt động khác khá hạn chế, chúng tôi chưa đưa một số dự án hiện tại (như vắc xin, trung tâm thương mại Huyện Quang, dự án đường cao tốc H2, nhà máy ép dầu giai đoạn 2) vào dự báo.

Triển vọng ngắn hạn: Chúng tôi kỳ vọng công ty sẽ ghi nhận lợi nhuận nửa cuối năm 2024 tốt hơn so với nửa đầu năm 2024, do cả sản lượng và giá bán đều được dự báo sẽ cao hơn so với năm ngoái.

Triển vọng dài hạn: Tiêu dùng phục hồi, tỷ lệ tử vong thấp nhờ an toàn sinh học tốt hơn, mở rộng trang trại mới, và năng suất từ các giống heo mới tăng lên sẽ góp phần vào tăng trưởng của DBC khi công ty đi lên từ mức đáy lợi nhuận năm 2022. Nhà máy ép dầu giai đoạn 2 đang được xây dựng và dự kiến sẽ bắt đầu đi vào hoạt động vào cuối năm 2025.

Rủi ro giảm giá: Dịch ASF có thể tiếp tục ảnh hưởng đến đàn heo của DBC, tiến độ xây dựng các trang trại heo bị chậm và tiêu dùng chưa hồi phục.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

| Tỷ đồng | 2022 | 2023 | 2024F | 2025F |
|---|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 627 | 592 | 712 | 1.463 |
| + Đầu tư ngắn hạn | 505 | 490 | 500 | 600 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 566 | 424 | 418 | 475 |
| + Hàng tồn kho | 5.207 | 5.552 | 5.453 | 5.974 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 160 | 100 | 93 | 108 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | 7.065 | 7.159 | 7.176 | 8.620 |
| + Các khoản phải thu dài hạn | 23 | 37 | 35 | 41 |
| + GTCL Tài sản cố định | 4.302 | 5.148 | 5.299 | 5.424 |
| + Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Tài sản dài hạn dở dang | 1.398 | 476 | 476 | 476 |
| + Đầu tư dài hạn | 114 | 120 | 110 | 110 |
| + Tài sản dài hạn khác | 72 | 72 | 97 | 91 |
| Tổng tài sản dài hạn | 5.909 | 5.853 | 6.016 | 6.142 |
| Tổng tài sản | 12.974 | 13.012 | 13.192 | 14.761 |
| + Nợ ngắn hạn | 7.213 | 7.142 | 6.950 | 7.649 |
| Trong đó: vay ngắn hạn | 3.705 | 4.841 | 5.055 | 5.370 |
| + Nợ dài hạn | 1.120 | 1.204 | 1.103 | 1.252 |
| Trong đó: vay dài hạn | 886 | 1.026 | 936 | 1.066 |
| Tổng nợ phải trả | 8.333 | 8.345 | 8.053 | 8.902 |
| + Vốn góp | 2.420 | 2.420 | 2.420 | 2.420 |
| + Thặng dư vốn cổ phần | 418 | 418 | 418 | 418 |
| + Lợi nhuận chưa phân phối | 8 | 28 | 500 | 1.221 |
| + Quỹ khác | 1.795 | 1.800 | 1.800 | 1.800 |
| Vốn chủ sở hữu | 4.641 | 4.666 | 5.139 | 5.860 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 12.974 | 13.012 | 13.192 | 14.761 |
| Lưu chuyển tiền tệ | | | | |
| Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh | 312 | -908 | 486 | 806 |
| Dòng tiền từ hoạt động đầu tư | -818 | -403 | -490 | -500 |
| Dòng tiền từ hoạt động tài chính | 933 | 1.276 | 124 | 444 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 427 | -35 | 120 | 750 |
| Tiền đầu kỳ | 200 | 627 | 592 | 712 |
| Tiền cuối kỳ | 627 | 592 | 712 | 1.463 |
| Các hệ số khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | 0,98 | 1 | 1,03 | 1,13 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 0,24 | 0,21 | 0,23 | 0,33 |
| Hệ số thanh toán tiền mặt | 0,16 | 0,15 | 0,17 | 0,27 |
| Nợ rỗng / EBITDA | 4,66 | 5,12 | 4,52 | 3,41 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 1,44 | 1,37 | 3,04 | 3,89 |
| Ngày phải thu | 9 | 7,8 | 6,8 | 6,5 |
| Ngày phải trả | 60,6 | 53,4 | 27,7 | 26,5 |
| Ngày tồn kho | 162,1 | 196,4 | 197,1 | 190,4 |
| Cơ cấu vốn | | | | |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,36 | 0,36 | 0,39 | 0,4 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,64 | 0,64 | 0,61 | 0,6 |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 1,8 | 1,79 | 1,57 | 1,52 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,99 | 1,26 | 1,17 | 1,1 |
| Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu | 0,8 | 1,04 | 0,98 | 0,92 |

Nguồn: DBC, SSI dự báo

| Tỷ đồng | 2022 | 2023 | 2024F | 2025F |
|--|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | | |
| Doanh thu thuần | 11.558 | 11.110 | 11.755 | 12.892 |
| Giá vốn hàng bán | -10.598 | -9.996 | -10.188 | -10.954 |
| Lợi nhuận gộp | 960 | 1.114 | 1.567 | 1.938 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 29 | 38 | 32 | 45 |
| Chi phí tài chính | -201 | -281 | -270 | -290 |
| Thu nhập từ các công ty liên kết | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | -403 | -432 | -436 | -478 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -344 | -356 | -367 | -402 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 41 | 78 | 527 | 814 |
| Thu nhập khác | 38 | 20 | 22 | 24 |
| Lợi nhuận trước thuế | 79 | 98 | 549 | 838 |
| Lợi nhuận ròng | 5 | 25 | 472 | 721 |
| Lợi nhuận chia cho cổ đông | 5 | 25 | 472 | 721 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chỉ số tài chính | | | | |
| EPS cơ bản (VND) | 21 | 103 | 1.952 | 2.979 |
| Giá trị sổ sách (VND) | 19.178 | 19.282 | 21.234 | 24.213 |
| Cổ tức (VND/cổ phiếu) | 2.000 | 2.000 | 0 | 0 |
| EBIT | 259 | 360 | 819 | 1.128 |
| EBITDA | 756 | 902 | 1.169 | 1.502 |
| Tăng trưởng | | | | |
| Doanh thu | 6,9% | -3,9% | 5,8% | 9,7% |
| EBITDA | -54,3% | 19,4% | 29,5% | 28,5% |
| EBIT | -77,7% | 39,2% | 127,4% | 37,7% |
| Lợi nhuận ròng | -99,4% | 381,4% | 1789,2% | 52,6% |
| Vốn chủ sở hữu | -1,0% | 0,5% | 10,1% | 14,0% |
| Vốn điều lệ | 110,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Tổng tài sản | 19,4% | 0,3% | 1,4% | 11,9% |
| Định giá | | | | |
| P/E | 656,9 | 265,2 | 14,7 | 9,6 |
| P/B | 0,7 | 1,4 | 1,3 | 1,2 |
| Giá/Doanh thu | 0,3 | 0,6 | 0,6 | 0,5 |
| Tỷ suất cổ tức | 14,2% | 7,3% | 0,0% | 0,0% |
| EV/EBITDA | 9,1 | 12,7 | 10,7 | 8,4 |
| EV/Doanh thu | 0,6 | 1 | 1,1 | 1 |
| Các hệ số khả năng sinh lời | | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 8,3% | 10,0% | 13,3% | 15,0% |
| Tỷ suất lợi nhuận hoạt động | 1,7% | 2,8% | 6,5% | 8,2% |
| Tỷ suất lợi nhuận ròng | 0,0% | 0,2% | 4,0% | 5,6% |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần | 3,5% | 3,9% | 3,7% | 3,7% |
| Chi phí quản lý/Doanh thu thuần | 3,0% | 3,2% | 3,1% | 3,1% |
| ROE | 0,1% | 0,5% | 9,6% | 13,1% |
| ROA | 0,0% | 0,2% | 3,6% | 5,2% |
| ROIC | 0,2% | 0,9% | 6,5% | 8,3% |

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích cổ phiếu

Minhdt1@ssi.com.vn

SĐT: (+84– 28) 3936 6321 ext. 8671

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6737